

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/05/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về		Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	
1		P9+RP3	7:25	6+15	0+0	5+17	0+0	
2		P11+P4	7:25	1+20	0+0	0+20	0+0	
3		CTK3+PPD	7:25	3+19	0+0	1+21	0+0	
4		RP1+SAVR+RP3	9:25	2+17+0	0+0+0	0+11+11	0+0+0	
5		PPD+BK5+P10	9:25	11+0+9	0+0+0	7+4+10	0+0+0	
6		BK15+SAVR	9:25	2+17	0+0	3+18	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/05/2025	TO: P9 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - NPHÚ - NNAM	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ NGUYỄN KINH CHÂU	P9	49	1	5	1	8	69	VIỆT PHÁT	Vietnamese
2	PHẠM CÔNG TUẤN	P9	44-45	2	9			56	PSV	Vietnamese
3	DƯƠNG VIỆT DŨNG	P9	48	1	5			49	PSV	Vietnamese
4	BUI VĂN THUẬN	P9	46	1	6			77	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN QUANG	P9	50	1	4			68	PSV	Vietnamese
6	ĐO LÊ NGỌC HOANG	P9	47	1	4			55	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP3				6	110	84	KHI	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	42	1	4			71	KHI	Vietnamese
9	LÊ HOANG ANH	RP3	28-29	2	15			70	KHI	Vietnamese
10	BUI VĂN PHU	RP3	24	1	3			70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG NAM	RP3						89	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN Q. BAO BÌNH	RP3	35	1	4			60	KHI	Vietnamese
13	HA VĂN THUY	RP3	23	1	5			68	KHI	Vietnamese
14	TRINH QUANG HUY	RP3	27	1	5			71	KHI	Vietnamese
15	ĐƯƠNG HỒNG QUẬN	RP3	30	1	4			74	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	RP3	31	1	10			79	KHI	Vietnamese
17	LÊ XUAN HIEN	RP3	34	1	6			77	KHI	Vietnamese
18	LÊ HUU ĐẠT	RP3	32-33	2	9			76	KHI	Vietnamese
19	MAI MINH TIEN	RP3	26	1	2			71	PSV	Vietnamese
20	ĐO NGỌC QUI	RP3	25	1	4			52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	6	374	7	33	1	8	5		
2	RP3	14	1.012	14	71	6	110	17		
	TOTAL	20	1.386	21	104	7	118	22		
	WEIGHT KG		1.386		104		118			

GRAND TOAL: 1.608 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/05/2025	TO: P11 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: DUONG - N.CUONG - QTRUONG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE HUY BAC	P11	32	1	7	2	16	73	CODIEN	Vietnamese
2	TRUONG THANH GIAP	P4	05	1	5			72	KHI	Vietnamese
3	LUONG THANH VU	P4	11	1	5			60	KHI	Vietnamese
4	DO ĐUC LONG	P4	08	1	2			58	KHI	Vietnamese
5	HOANG TRONG TAN	P4	09-10	2	14			71	KHI	Vietnamese
6	TRAN DUY KHUONG	P4	12	1	7			88	KHI	Vietnamese
7	TRINH XUAN HUYEN	P4	07	1	5			78	KHI	Vietnamese
8	LE HUY CHUONG	P4	01	1	8			55	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN ANH	P4	87	1	5			66	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN THANH GIAP	P4	04	1	3			66	KHI	Vietnamese
11	OVCHARENKO ANDREY NIKOLAEVICH	P4	88	1	5			82	KHI	Russian
12	TRUONG MINH HOANG	P4	13	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN NHAT TAN	P4	95-96	2	14	4	42	81	CODIEN	Vietnamese
14	PHAM VAN DUNG	P4	89-90	2	19	1	6	50	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG TUAN	P4	97	1	15	2	9	70	CO DIEN	Vietnamese
16	TRAN MINH HOANG	P4	93-94	2	18			89	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN PHAM DUY KHANG	P4	91-92	2	9			79	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN VIET THANG	P4	02	1	7			77	KHI	Vietnamese
19	PHAM HUU THO	P4	03	1	8			66	KHI	Vietnamese
20	HOANG THAI DUONG	P4	14-15	2	6			73	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN VAN THINH	P4	06	1	4			75	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	1	73	1	7	2	16	2		
2	P4	20	1.432	26	168	7	57	20		
	TOTAL	21	1.505	27	175	9	73	22		
	WEIGHT KG		1.505		175		73			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/05/2025	TO: CTK3 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - DTÙNG	ETA: 11:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ NGỌC GIAO	CTK3	88	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG ĐÌNH QUANG	CTK3	86-87	2	12	2	40	85	KH-THAC	Vietnamese
3	DANG THANH HOANG	CTK3	89-91	3	8			71	SANBAY	Vietnamese
4	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	95	1	5			88	KHI	Vietnamese
5	VŨ THANH BÌNH	PPD	68	1	3			84	KHI	Vietnamese
6	HUYNH TÂN THÀNH	PPD	87-88	2	9			75	KHI	Vietnamese
7	BÙI THANH HẢI	PPD	99	1	4			63	KHI	Vietnamese
8	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	93	1	3			83	KHI	Vietnamese
9	VŨ QUANG ĐẠT	PPD	66	1	5			55	KHI	Vietnamese
10	LÊ HỒNG PHONG	PPD	92	1	6			90	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	69	1	5	3	55	70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	97	1	7			85	KHI	Vietnamese
13	CAO NAM QUY	PPD	98	1	6			70	KHI	Vietnamese
14	ĐÀO VIỆT HÙNG	PPD	96	1	11			66	KHI	Vietnamese
15	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	PPD	83	1	5			68	KHI	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC LINH	PPD	91	1	3			67	KHI	Vietnamese
17	ĐẶNG PHÚC THĂNG	PPD	67	1	4			90	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	85	1	7			60	KHI	Vietnamese
19	LÊ HUY VINH	PPD	86	1	7			64	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CHIÊN	PPD	94	1	4			55	KHI	Vietnamese
21	VŨ VĂN CHIÊN	PPD	84	1	5			74	KHI	Vietnamese
22	LUU ANH TUẤN	PPD	89-90	2	11			71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	3	233	6	27	2	40	1		
2	PPD	19	1.378	21	110	3	55	21		
	TOTAL	22	1.611	27	137	5	95	22		
	WEIGHT KG		1.611		137		95			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/05/2025	TO: RP1 - SAVR - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VTHANG - NPHU - NNAM	ETA: 11:40
Xanh-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRAN VAN HIEU	RP1	55-57	3	28			87	NIPI	Vietnamese
2	ĐÀO HAI NAM	RP1	58-60	3	39			71	NIPI	Vietnamese
3	NGUYEN VAN PHU	SAVR	89-90	2	13			69	DMC-MI	Vietnamese
4	KULIK VIACHESLAV	SAVR	93-94	2	15			78	AMNGR	Russian
5	GORIUNOV DENIS	SAVR	28	1	21			89	AMNGR	Russian
6	BASHKIN ALEKSANDR	SAVR	79	1	11			94	AMNGR	Russian
7	KOSOLAPOV DENIS	SAVR	95-96	2	7			88	AMNGR	Russian
8	ZINGIREEV ALEKSANDR	SAVR	80-81	2	18			101	AMNGR	Russian
9	SIVACHUK DMITRII	SAVR	83	1	14			111	AMNGR	Russian
10	IURIN VLADIMIR	SAVR	97	1	13			78	AMNGR	Russian
11	NGUYEN MANH HOAN	SAVR	98	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM HUU HUAN	SAVR	25	1	5			63	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VAN NINH	SAVR	26-27	2	10			76	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH VU TINH	SAVR	82	1	12			66	DVL	Vietnamese
15	VÔ HỮU TÂN	SAVR	99,700	2	12			79	DVL	Vietnamese
16	MAI HUY TU	SAVR	24	1	12			62	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG MAO	SAVR	91-92	2	21			78	BAKER HUC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN BINH	SAVR	31-32	2	14			79	BAKER HUC	Vietnamese
19	ÔNG HUYNH ĐỨC ANH	SAVR	29-30	2	15			73	BAKER HUC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	2	158	6	67	0	0	0		
2	SAVR	17	1.346	26	219	0	0	11		
3	RP3	0	0	0	0	2	35	11		
TOTAL		19	1.504	32	286	2	35	22		
WEIGHT KG			1.504		286		35			

GRAND TOTAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/05/2025	TO: PPD - BK5 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - N.CƯƠNG - QTRƯỜNG	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN CÔNG TRI	PPD	40-41	2	16	1	11	87	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM NGUYỄN HAI NINH	PPD	39	1	10	4	41	89	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẠO ANH TUẤN	PPD	900	1	3			65	KHI	Vietnamese
4	PHẠM TRUNG DUNG	PPD	42	1	7			79	KHI	Vietnamese
5	HOANG CÔNG ĐỨC	PPD	18	1	13			63	KHI	Vietnamese
6	ĐINH VĂN CƯỜNG	PPD	41	1	9			66	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY DƯƠNG	PPD	43	1	8			84	KHI	Vietnamese
8	HỮA HOA LONG	PPD	42-43	2	7			57	KHI	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐỨC	PPD	37-38	2	20			81	T-TIN	Vietnamese
10	LÊ TRẦN MINH KHÁNH	PPD	35	1	6			61	PSV	Vietnamese
11	TRẦN VĂN THUẬT	PPD	36	1	3			69	PSV	Vietnamese
12	LÊ TRỌNG TUYẾN	P10	56	1	10	1	19	61	CODIEN	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN GIANG	P10	57	1	9			75	CODIEN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TÀI	P10	52-53	2	6			75	PSV	Vietnamese
15	LÊ VĂN QUYỀN	P10	46	1	5			59	PSV	Vietnamese
16	PHẠM MINH TÂM	P10	50-51	2	15			63	PSV	Vietnamese
17	ĐẠO VĂN DUNG	P10	54-55	2	10			76	PSV	Vietnamese
18	TÔNG VĂN ĐẠT	P10	49	1	6			61	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐĂNG NAM	P10	48	1	5			65	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH GIÀU	P10	47	1	4			66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	11	801	14	102	5	52	7		
2	BK5	0	0	0	0	0	0	4		
3	P10	9	601	12	70	1	19	10		
TOTAL		20	1.402	26	172	6	71	21		
WEIGHT KG			1.402		172		71			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/05/2025	TO: BK15 - SAVR	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Linh - H Phung - Nhung	ETA: 13:50
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRINH XUAN TAI	BK15	01-02	2	16	1	20	72	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC SON	BK15	90-91	2	17			63	XAYLAP	Vietnamese
3	TRINH VAN KIEN	SAVR	48	1	8			64	DMC-MI	Vietnamese
4	SOMJET KETTHONG	SAVR	49-50	2	20			86	DMC-MI	Thailand
5	PHAM QUOC MINH	SAVR	58-59	2	14			84	PVDI.OGGI	Vietnamese
6	DANG VAN HAU	SAVR	55-56	2	12			80	PVDI.OGGI	Vietnamese
7	BAKAEV NIKOLAI	SAVR	37	1	9			84	AMNGR	Russian
8	MOLCHANOV ANTON	SAVR	34	1	10			89	AMNGR	Russian
9	AKULOV VLADIMIR	SAVR	40	1	14			80	AMNGR	Russian
10	VOZHENKO GEORGII	SAVR	41-42	2	15			87	AMNGR	Russian
11	STUKALOV DMITRY	SAVR	35-36	2	17			72	AMNGR	Russian
12	SUIAZOV EVGENII	SAVR	44-45	2	13			84	AMNGR	Russian
13	USMANOV ALFRED	SAVR	43	1	6			116	AMNGR	Russian
14	MAMATOV DENIS	SAVR	38-39	2	9			84	AMNGR	Russian
15	DAU MINH A	SAVR	46	1	13			67	AMNGR	Vietnamese
16	DANG DUY NGAI	SAVR	47	1	8			59	AMNGR	Vietnamese
17	VO TA HUNG	SAVR	57	1	14			67	XAYLAP	Vietnamese
18	NIYATI ISSARAPREEDA	SAVR	51-52	2	20			76	BAKER HU	Thailand
19	NGUYEN DAT KHOA	SAVR	53-54	2	23			69	KII-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK15	2	135	4	33	1	20	3		
2	SAVR	17	1.348	26	225	0	0	19		
	TOTAL	19	1.483	30	258	1	20	22		
	WEIGHT KG		1.483		258		20			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/05/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người
1		CTK3+CLO	7:25	22+0	0+0	17+5	0+0	
2		BK20+BK14+BK16	7:25	7+15+0	0+0+0	2+18+1	0+0+0	
3		RC5+BK9+PPD	9:25	9+5+1	0+0+0	6+5+11	0+0+0	
4		TD1+P4+CNV	9:25	4+4+14	0+0+0	0+0+14	0+0+0	
5		CTK3+BK20	11:25	21+1	0+0	17+5	0+0	
6		T.UNG	12:30	16	0	0	0	

TTDBSX

Đi về trong ngày BK20-4ng, CTK3-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/05/2025	TO: CTK3 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LINH - ĐNAM - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN CÔNG	CTK3						78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH TUE	CTK3						69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	CTK3						72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐIỀU HUE	CTK3						60	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	68	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI KHÁC PHONG	CTK3	63	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
7	HA MINH GIANG	CTK3	82	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3	66-67	2	11			73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU LƯU	CTK3	58	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	12-14	3	19			80	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN KHƯƠNG	CTK3	60,62	2	18			78	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NGŨ	CTK3	83	1	8			66	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ XUÂN HIỀN	CTK3	77-78	2	16			59	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐÀO NGUYỄN DŨ MẠC	CTK3	75-76	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HUNG	CTK3	80-81	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC THAI	CTK3	70-71	2	19	3	55	72	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN HOÀ	CTK3	56-57	2	17			77	YTE	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	79	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN DANH TUẤN	CTK3	59	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	64-65	2	9			72	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM CÔNG DŨY	CTK3	61	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ TRUNG KIẾN	CTK3	69	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	22	1.547	28	198	3	55	17		
2	CLO	0	0	0	0	0	0	5		
	TOTAL	22	1.547	28	198	3	55	22		
	WEIGHT KG		1.547		198		55			

GRAND TOTAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/05/2025	TO: BK20 - BK14 - BK16	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: DUONG - SON - THANH	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN QUANG DIEN	BK20						61	DIEU HAN	Vietnamese
2	NGUYEN ANH TUAN	BK20	52	1	4			65	DIEU HAN	Vietnamese
3	KRAMARENKO	BK20	55	1	3			66	KHAI THAC	Russian
4	NGUYEN CONG TRINH	BK20				2	30	75	KHAI THAC	Vietnamese
5	NGO VAN TINH	BK20	50-51	2	14			62	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYEN CONG CONG	BK20	53-54	2	13			68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HUU HOANG ANH	BK20	56	1	8			113	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG NGOC TUNG	BK14	46	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN DUC CUONG	BK14						83	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN ANH DUC	BK14	40	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN NGUYEN GIA KINH	BK14	43	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC TUONG	BK14	35	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
13	VU DINH HUY	BK14	36	1	4	2	25	56	KH-THAC	Vietnamese
14	VU TRONG NGHIA	BK14	31	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN BINH	BK14	33	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG DINH SAM	BK14	44-45	2	9			80	KH-THAC	Vietnamese
17	CHAU HUNG HUY	BK14	32	1	12			76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN DONG	BK14	34	1	12			67	KH-THAC	Vietnamese
19	TANG TIEN TOAN	BK14	42	1	12			82	DVL	Vietnamese
20	VU ANH TRONG	BK14	41	1	12			67	DVL	Vietnamese
21	BUI HUY BANG	BK14	37-38	2	20			68	DVL	Vietnamese
22	PHAM NGOC NINH	BK14	39	1	6			78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK20	7	510	7	42	2	30	2		
2	BK14	15	1.076	16	118	2	25	18		
3	BK16	0	0	0	0	2	23	1		
TOTAL		22	1.586	23	160	6	78	21		
WEIGHT KG			1.586		160		78			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/05/2025	TO: RC5 - BK9 - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LINH - ĐNAM - THỤ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN QUỐC ĐẠI	RC5	62-63	2	17			68	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÌNH VĂN TÂM	RC5	66	1	11			65	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ THAI THÀNH	RC5	64-65	2	18			78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TRUNG	RC5	59	1	19			79	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ TRƯỞNG GIANG	RC5	67	1	12			69	DVL	Vietnamese
6	PHAN MINH QUÂN	RC5	68	1	13	2	60	81	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐUNG	RC5	60	1	14	1	20	60	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH THAO	RC5	61	1	11			67	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN NAM HẢI	RC5	72-73	2	19			79	DVL	Vietnamese
10	CAO VĂN KHA KHA	BK9	39	1	3			83	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC HIỆP	BK9	38	1	6	3	50	68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGHĨA TIN	BK9	40	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TUẤN	BK9	37	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ LY KHÁNH	BK9	36	1	13			67	PSV	Vietnamese
15	ZAKLADNIY R.M.	PPD	49	1	13	2	15	108	D-HANH	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC5	9	646	12	134	3	80	6		
2	BK9	5	369	5	36	3	50	5		
3	PPD	1	108	1	13	2	15	11		
TOTAL		15	1.123	18	183	8	145	22		
WEIGHT KG			1.123		183		145			

GRAND TOAL: 1.451 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/05/2025	TO: TD1 - P4 - CNV	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: DUONG - SON - THANH	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD1	91	1	13			79	DVL	Vietnamese
2	DUONG BA VINH	TD1	92	1	15			97	DVL	Vietnamese
3	LUU BA XÔ	TD1	87-89	3	13			83	DVL	Vietnamese
4	NHAM ĐỨC TUÂN	TD1	90	1	11			73	DVL	Vietnamese
5	PHẠM LÊ TUÂN	P4	85	1	10			83	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P4	86	1	12			58	KHI	Vietnamese
7	PHAN TÀI DANH	P4	83-84	2	13			63	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH HAI	P4	87,98	2	10			63	KHI	Vietnamese
9	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	63	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VĂN THAI	CNV	66-67	2	9			68	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG TRỌNG VỌ	CNV	64	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CNV	65	1	4			49	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HẢO	CNV	61	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	62	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG THAI LONG	CNV	43	1	6			54	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG LUẬT	CNV	36	1	10			80	HA VIỆT	Vietnamese
17	LÊ VĂN QUÂN	CNV	32-33	2	13			61	HA VIỆT	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TUYẾN	CNV	35	1	8			72	HA VIỆT	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU HIỆU	CNV	59	1	9			56	HA VIỆT	Vietnamese
20	NGÔ VĂN QUANG	CNV	60	1	11			68	HA VIỆT	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LÊ	CNV	31	1	13			68	HA VIỆT	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC TUÂN	CNV	30	1	16			62	HA VIỆT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	4	332	6	52	0	0	1		
2	P4	4	267	6	45	0	0	0		
3	CNV	14	932	16	121	0	0	14		
TOTAL		22	1.531	28	218	0	0	15		
WEIGHT KG			1.531		218		0			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/05/2025	TO: CTK3 - BK20	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: DUONG - NPHU - TU	ETA: 14:05
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HOANG LAM	CTK3	36-37	2	12			69	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM THANH QUANG	CTK3	43	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUY HOANG (12556)	CTK3						86	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUYET THANG	CTK3	46	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	44	1	12			81	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM QUANG THAI	CTK3	49	1	6			87	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM BA HOANG	CTK3	25-26	2	17	1	21	65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN CƯỜNG	CTK3	34-35	2	16			63	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ANH TUAN (21426)	CTK3	51	1	16			78	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐAN QUÊ	CTK3	45	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGUYỄN MẠNH TUƠNG	CTK3	48	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
12	CU XUAN HUY	CTK3	47	1	10			62	HVJOC	Vietnamese
13	HOANG VAN THANH	CTK3	29-30	2	16			64	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN TRUNG	CTK3	41	1	8	1	17	62	XAYLAP	Vietnamese
15	HINH NGOC GIANG	CTK3	39-40	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN SY ANH TU	CTK3	27	1	10	1	18	70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CHU	CTK3	50	1	14			63	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ TUAN VŨ	CTK3	38	1	6			98	PSV	Vietnamese
19	VUÔNG ĐỨC HUY	CTK3	31	1	15			101	PSV	Vietnamese
20	QUÁCH THANH ĐỘ	CTK3	32-33	2	15			67	DK9	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN DAT	BK20	60	1	12	1	17	80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	20	1.470	25	218	3	56	17		
2	BK20	1	80	1	12	1	17	5		
	TOTAL	21	1.550	26	230	4	73	22		
	WEIGHT KG		1.550		230		73			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/05/2025	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HLONG - XTRƯỜNG	ETA: 15:50
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI VAN TUAN	T.UNG	25	1	6			77	PV GAS	Vietnamese
2	ĐANG VAN HUU	T.UNG	26	1	6			72	PV GAS	Vietnamese
3	NGUYEN TRUONG BIEN	T.UNG	27	1	9			76	XAYLAP	Vietnamese
4	HỒ ĐÌNH THÔNG	T.UNG	98	1	19	1	6	62	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN CUONG	T.UNG	96-97	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN NAM	T.UNG	95	1	19			66	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG LUAN	T.UNG	21-22	2	22			56	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐÀU CAO QUYẾT	T.UNG	40-41	2	22			56	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HIỀN	T.UNG	28	1	10	1	17	83	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN THANH HAI	T.UNG	93	1	10	1	17	81	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG VAN NGOC	T.UNG	47	1	10	1	14	54	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN QUANG	T.UNG	01-02	2	21			62	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ HỒNG DƯƠNG	T.UNG	42-43	2	20			58	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN HÙNG LONG	T.UNG	45-46	2	22			62	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ XUÂN KHOE	T.UNG	23-24	2	17			66	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM NGOC LE	T.UNG	44	1	7			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	16	1.065	23	239	4	54	0		
	TOTAL	16	1.065	23	239	4	54	0		
	WEIGHT KG		1.065		239		54			

GRAND TOAL: 1.358 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN